TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-ST
Ngày: 28-4-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Xuân.

2. Bà Phạm Kim Tuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-DSST ngày 06/4/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST-DS ngày 21/03/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2022/QĐST-DS ngày 08/04/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TT**.**

Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường T, Quận B Thành Phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà D - Chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông C, sinh năm: 1997; Địa chỉ: ấp S, xã P , huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường T, Quận B Thành Phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 836/2021/UQ- TTT) (Có mặt).

Bị đơn: Ông Hồ Q , sinh năm 1983; Địa chỉ: Chung cư M, đường H khu phố B, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông C trình bày:

Ngày 10/01/2012, ông Hồ Q ký với Ngân hàng TT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074 -7701 với hạn mức sử dụng là

10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.717.943 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt cho đến tháng 05/2015 ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng 24.173.828 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 11/5/2015, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 11.142.931 đồng sang nợ quá hạn. Tháng 6/2015 ông Q đã thanh toán thêm 1.000.000 đồng được trừ vào vốn gốc.

Tính đến ngày 28/4/2022, ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 10.142.931 đồng và tiền lãi quá hạn là 27.759.280 đồng. Tổng cộng là 37.902.211 đồng.

Do ông Hồ Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TT khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Hồ Q phải trả ngay toàn bộ số nợ nêu trên. Ông Hồ Q còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn: Ông Hồ Q mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Hồ Q không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Q về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do.

** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:*

Về hình thức, qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Việc xét xử vắng mặt đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TT là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về thẩm quyền: Ngân hàng TT khởi kiện yêu cầu ông Hồ Q phải trả số tiền nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ông Hồ Q cung cấp thông tin cá nhân có hộ khẩu thường trú tại: Thọ Chánh, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai; Nơi ở hiện tại: Chung cư M, đường H khu phố B, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh tại hộ khẩu thường trú tại đại chỉ: Thọ Chánh, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai thì ông Hồ Q và gia đình chuyển đi nơi khác sinh sống trên 10 năm, không có mặt tại địa phương. Do đó, căn cứ vào hợp đồng tín

dụng nơi ở hiện tại của ông Hồ Q tại thời điểm ký kết hợp đồng là: Chung cư M, đường H khu phố B, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy: Ông Hồ Q cư trú tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc là 10.142.931 đồng.

Căn cứ Hợp đồng mở thẻ tín dụng ký ngày 10/01/2012 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) có số thẻ 472074-7701 và bản sao kê có đủ cơ sở để xác định bị đơn là ông Hồ Q có sử dụng thẻ của Ngân hàng, giữa ông Hồ Q và Ngân hàng đã phát sinh giao dịch dân sự là vay tài sản. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng mở thẻ tín dụng ký ngày 10/01/2012 thì ông Q được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất tại thời điểm cấp thẻ là 2.15 %/tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Q đã thực hiện các giao dịch tính đến ngày 10/01/2015 với tổng số tiền là 24.717.943 đồng. Tính đến ngày 10/02/2015, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 25.173.828 đồng bao gồm cả gốc và lãi, sau đó thì ông Q không thanh toán nữa. Do ông Hồ Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 11.142.931 đồng (gồm nợ gốc, phí trễ hạn, phí vượt quá hạn mức và lãi trong hạn) sang nợ quá hạn kể từ ngày 11/5/2015 (Theo thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Đến tháng 6/2015, ông Q thanh toán thêm cho Ngân hàng 1.000.000 đồng được trừ vào vốn gốc.

Kể từ ngày 11/6/2015 đến nay ông Q không thanh toán bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Tính đến ngày 28/4/2022, ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 10.142.931 đồng và tiền lãi quá hạn là 27.759.280 đồng. Tổng cộng là 37.902.211 đồng.

Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng".

Trong trường hợp này, ông Hồ Q là bên đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán trong hợp đồng tín dụng.

Theo quy định tại Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn, bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu trả toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Hồ Q phải trả số tiền nợ gốc là 10.142.931 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn:

Trong quá trình vay và sử dụng thẻ ông Q đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo quy định trong hợp đồng nên ông Q phải chịu lãi theo quy định. Theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Theo Hợp đồng mở thẻ tín dụng ký ngày 10/01/2012 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) do ông Q ký và theo Thông báo về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank thì giữa ông Q và Ngân hàng đã thỏa thuận lãi suất là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại. Như vậy, theo hợp đồng thẻ tín dụng nói trên, ông Q đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Ngân hàng nghĩa là ông Q mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi được quy định trong hợp đồng và phải chịu các nghĩa vụ thanh toán khác của Ngân hàng.

Tính đến ngày 28/4/2022, số tiền lãi mà ông Q phải trả cho nguyên đơn là 27.759.280 đồng. Ngoài ra, ông Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 29/4/2022 cho đến khi ông Q trả hết nợ.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Hồ Q phải trả cho nguyên đơn tiền lãi tính đến ngày 28/4/2022 là 27.759.280 đồng và ông Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 29/4/2022 cho đến khi ông Q trả hết nợ là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông Hồ Q phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 37.902.211 đồng, trong đó, nợ gốc là 10.142.931 đồng, nợ lãi là 27.759.280 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 29/4/2022 cho đến khi bị đơn trả hết nợ.

Về phương thức trả nợ: Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Q phải trả toàn bộ số nợ còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3]. Về án phí:** Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán TAND tối cao thong qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Hồ Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TT số tiền còn nợ tính đến ngày 28/4/2022 là 37.902.211 (Ba mươi bảy triệu chín trăm lẻ hai nghìn hai trăm mười một) đồng, trong đó: 10.142.931 đồng tiền gốc và 27.759.280 đồng tiền lãi theo Hợp đồng mở Thẻ tín dụng số thẻ 472074-7701 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được coi chung là Hợp đồng) ký ngày 10/01/2012.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Hồ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.895.110 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn một trăm mười) đồng.

Ngân hàng TT không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 629.158 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0033954 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Linh